ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THƯỢNG LỘ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:59/KH-UBND	*Thượng Lộ, ngày 25 tháng 4 năm 2023*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn xã Thượng Lộ

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Thực hiện Kế hoạch số 311/KH-UBND ngày 25/8/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Kế hoạch số 256/KH-UBND ngày 06/12/2022 của UBND huyện Nam Đông về thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh t ế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Nam Đông.

UBND xã Thượng Lộ ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn xã như sau:

I. MỤC ĐÍCH, MỤC TIÊU

1. Mục đích

Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao trong Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 411/QĐ-TTg).

2. Mục tiêu

2.1. Phát triển kinh tế số

a) Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 3%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 5%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 50%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 30%;
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 1%.

b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 5%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%;

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt 60%;

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 40%;

- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%.

2.2. Phát triển xã hội số

a) Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 70%;

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 50%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 10%;

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 50%;

- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 50%;

- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 50%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 20%;

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 80%;

b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%;

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt trên 60%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 20%;

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 60%;

- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 80%;

- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 60%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%;

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 90%;

- Tỷ lệ cơ sở giáo dục tiểu hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 50%.

II. CÁC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NỀN MÓNG KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ

1. Thể chế

Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu của phát triển kinh tế số, xã hội số; chú trọng xây dựng các chính sách để nâng tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% các hoạt động trong cơ quan, tổ chức, ngành, lĩnh vực.

2. Hạ tầng số

- Tổ chức triển khai kế hoạch, lộ trình số hóa và thông minh hóa các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu khác phục vụ kinh tế số và xã hội số trên địa bàn xã gồm: hạ tầng bưu chính; hạ tầng giao thông; hạ tầng giáo dục và đào tạo; hạ tầng y tế; hạ tầng văn hóa, thể thao và du lịch,...

- Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân. Đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng 4G, hướng đến phủ sóng 5G đến tất cả các thôn; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng.

3. Nền tảng số

Nghiên cứu triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để phát triển và thúc đẩy sử dụng các nền tảng số quốc gia theo các kế hoạch, hướng dẫn của các bộ, ngành, cơ quan Trung ương.

4. Dữ liệu số

Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển dữ liệu và phát triển nhân lực dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm: Nông nghiệp, y tế, giáo dục và đào tạo, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, lao động, văn hóa, thể thao và du lịch tại tỉnh. Bảo đảm dữ liệu được tạo lập tuân thủ theo định dạng máy đọc được, sẵn sàng khả năng chia sẻ, khai thác, sử dụng một cách dễ dàng.

5. An toàn thông tin mạng và an ninh mạng

Triển khai theo chương trình, đề án, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh.

- Tập trung hoàn thiện xác thực định danh công dân khi tham gia vào các nền tảng số đảm bảo theo quy định của Chính phủ. Khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số công cộng trong các giao dịch số.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin: Hệ thống phòng chống virus tập trung, phòng chống mã độc, mô hình bảo đảm an toàn thông tin mạng 4 lớp.

- Tổ chức triển khai toàn diện các các giải pháp, ứng dụng quốc gia về an toàn thông tin cho cơ quan nhà nước, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

6. Nhân lực số

- Xây dựng và tổ chức kết nối cơ quan nhà nước với các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp để xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực theo yêu cầu thực tế và đặt hàng của doanh nghiệp. Triển khai các nền tảng số cho doanh nghiệp để thúc đẩy đào tạo kỹ năng số cho người lao động, kết nối cung cầu thị trường lao động.

- Xây dựng và định kỳ hàng năm công bố báo cáo dự báo về nhu cầu thị trường nhân lực và tương lai nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin mạng tại tỉnh để có giải pháp đào tạo phù hợp; cập nhật xu thế, giới thiệu một số ngành, nghề mới yêu cầu các kỹ năng mới.

7. Kỹ năng số, công dân số và văn hóa số

- Tham gia các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, công nghệ thông tin, kiêm nhiệm chuyển đổi số và công chức xã, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh.

- Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp, mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, phương tiện số, và được đào tạo, tập huấn về kỹ năng số.

- Tổ chức triển khai các chương trình phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ số mà trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian mạng.

8. Doanh nghiệp số

- Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Xây dựng và triển khai các Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các cơ sở, cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chuyển đổi số, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử.

9. Thanh toán số

- Triển khai theo chương trình, đề án, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển, tích hợp triển khai các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt, đặc biệt triển khai các giải pháp Mobile Money. Sớm hình thành phương thức và văn hóa tiêu dùng mới trong xã hội.

III. CÁC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ, nền tảng trong các ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp và nông thôn; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Lao động, việc làm và an sinh xã hội; Du lịch; Tài nguyên và Môi trường.

2. Các ngành, lĩnh vực khác

- Tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong ngành, lĩnh vực, chuyển dịch từ sản xuất truyền thống sang kinh tế số ngành, hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành, lĩnh vực; ứng dụng các nền tảng số ngành phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp và người dân.

- Tổ chức triển khai nền tảng dữ liệu số ngành, lĩnh vực trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh đóng vai trò nòng cốt và người dân tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất, kinh doanh trong ngành, lĩnh vực; kịp thời cung cấp thông tin, tư vấn, dự báo tình hình cho doanh nghiệp và người dân.

- Tổ chức triển khai nền tảng số chuyên ngành, nền tảng quản trị và kinh doanh theo từng lĩnh vực phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành.

IV. GIẢI PHÁP

1. Tổ chức, bộ máy

a) Tổ chức hiệu quả hoạt động Ban chỉ đạo chuyển đổi số xã.

b) Tổ chức các Tổ công nghệ số cộng đồng đến từng thôn với các tổ viên là cán bộ kiêm nhiệm và các thành viên tại chỗ năng nổ, nhiệt tình, được đào tạo về kỹ năng số để phổ biến hướng dẫn, trợ giúp người dân sử dụng công nghệ số và các nền tảng số "Make in Việt Nam", hình thành mạng lưới triển khai công nghệ trên địa bàn xã.

c) Phân công cán bộ, công chức là đầu mối chủ trì, chịu trách nhiệm triển khai, phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin trong thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Hợp tác

a) Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc nghiên cứu, phát triển các nền tảng số xuất sắc, chất lượng cao.

b) Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số.

3. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức

a) Tham gia các hội nghị, hội thảo về phát triển kinh tế số, xã hội số của huyện tổ chức; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, các sự kiện về phát triển kinh tế - xã hội của xã.

b) Phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông xã. Phát triển các kênh tư vấn, hỏi đáp về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số.

c) Sản xuất các tin, bài, câu chuyện về kinh tế số, xã hội số trên phát thanh; tìm kiếm, phổ biến kinh nghiệm, câu chuyện thành công về phát triển kinh tế số và xã hội số; mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về kinh tế số và xã hội số.

4. Đo lường, giám sát triển khai

Hàng năm thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường các chỉ tiêu kinh tế số và các mục tiêu cơ bản về kinh tế số và xã hội số đặt ra tại Kế hoạch này.

5. Bảo đảm kinh phí

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này bao gồm: Ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Căn cứ nhiệm vụ được giao ưu tiên nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch để phát triển kinh tế số và xã hội số.

6. Giảm thiểu các tác động tiêu cực của phát triển kinh tế số, xã hội số

- Đánh giá tác động của phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn xã; trong đó, trọng tâm là đánh giá ảnh hưởng của công nghệ đối với các ngành, nghề và triển vọng việc làm để đưa ra phương án chuyển đổi phù hợp với chiến lược phát triển của quốc gia, của tỉnh và của huyện. Ưu tiên thực hiện chuyển đổi cho các đối tượng chịu nhiều tác động, có khả năng bị thay thế bởi máy móc nhất. Triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu bất bình đẳng, thu hẹp khoảng cách và giảm tác động tiêu cực của quá trình phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo phát triển trợ lý ảo để hỗ trợ người dân 24/7 mọi lúc, mọi nơi.

- Hình thành các điểm thu gom sản phẩm công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông hư hỏng, hết hạn sử dụng, rác thải công nghệ, rác thải điện tử; đẩy mạnh áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hướng tới một môi trường xanh và bảo vệ sức khỏe của người dân.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công Chức Văn phòng- Thống kê

- Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này;

- Tổng kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch vào năm 2025.

- Phối hợp triển khai nền tảng số quốc gia trên địa bàn đối với: nền tảng điện toán đám mây; nền tảng địa chỉ số; nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu; nền tảng họp trực tuyến thế hệ mới; nền tảng học kỹ năng trực tuyến mở (MOOCS); nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân; nền tảng trí tuệ nhân tạo; nền tảng thiết bị IoT; nền tảng mạng xã hội thế hệ mới; nền tảng quản trị tổng thể; nền tảng kế toán dịch vụ; nền tảng trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC); nền tảng trung tâm giám sát điều hành an toàn thông tin mạng (SOC); nền tảng trợ lý ảo; nền tảng tối ưu hóa chuỗi cung ứng.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được phân công và các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Công chức Tài chính- Kế toán:

- Chủ trì tổng hợp, tham mưu UBND xã cân đối, bố trí vốn chi thường xuyên hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản liên quan để triển khai Kế hoạch.

4. Công chức ĐC,XD-NN&MT:

- Chủ trì, phối hợp triển khai các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng dữ liệu số nông nghiệp, nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản trên địa bàn xã.

- Chủ trì, phối hợp hỗ trợ triển khai các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng sàn thương mại điện tử.

- Chủ trì, triển khai các nền tảng số quốc gia trên địa bàn xã đối với nền tảng bản đồ số; thực hiện các giải pháp và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Trạm y tế xã:

- Triển khai các nền tảng số quốc gia trên địa bàn xã đối với nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa, nền tảng quản lý tiêm chủng, nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử, nền tảng trạm y tế xã.

6. Công an xã

Chủ trì, triển khai các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng định danh người dân và xác thực điện tử; triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng đối với các hệ thống phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

7. Công chức VH-XH

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong các ngành, các cấp và Nhân dân về nội dung Kế hoạch này một cách thường xuyên; tuyên truyền, phổ biến về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống

truyền thanh, cổng thông tin điện tử xã; ứng dụng nền tảng truyền hình số (trực tuyến), nền tảng phát thanh số (trực tuyến).

8. Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh:

- Phát động các chiến dịch đoàn viên thanh niên tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số, hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ trên môi trường số.

9. UBMTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội:

- Phát huy vai trò trong tuyên truyền, vận động, giám sát thực hiện Kế hoạch. Chủ động tham gia phát triển và ứng dụng công nghệ số phục vụ kinh tế số và xã hội số.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn xã Thượng Lộ./.

Nơi nhận:
- UBND huyện;
- Phòng VHTT huyện;
- TT. Đảng ủy, HĐND xã;
- UBMTTQVN xã, các ban ngành, đoàn thể;
- Tổ Công nghệ số cộng đồng 03 thôn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hồ Văn Chính